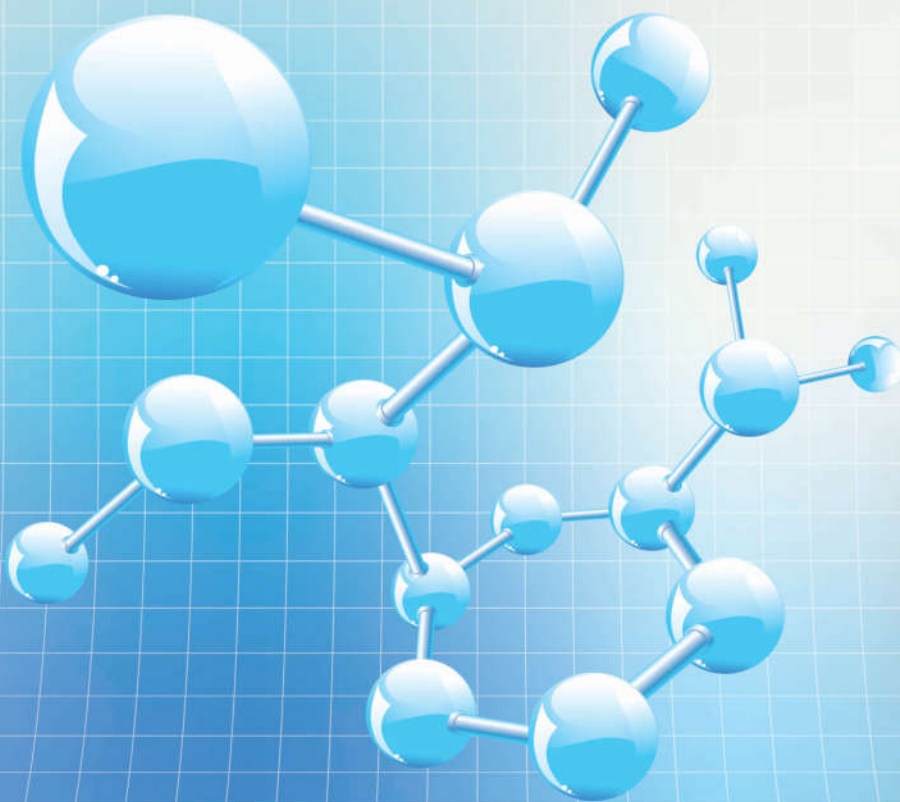




Tạp chí NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SÀO ĐỎ
SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X



Số 1 (88)
2025

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đình

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

■ **Thư ký Tòa soạn**

PGS.TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Văn Liên

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Nguyễn Đức Toàn

PGS.TS. Lê Thu Quý

GS.TS. Lê Anh Tuấn

GS.TS. Đinh Văn Sơn

PGS.TS. Trương Thị Thủy

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Kháng

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

GS.TS. Yu Ming Zhang

GS.TS. Nguyễn Văn Anh

■ **Ban Biên tập**

TS. Vũ Văn Đông - Trưởng ban

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Phó Trưởng ban

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Assoc.Prof.Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Banh Tien Long

Prof.Dr. Nguyen Duc Toan

Assoc.Prof.Dr. Le Thu Quy

Prof.Dr. Le Anh Tuan

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Truong Thi Thuy

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Thi Bat

Prof.Dr. Do Quang Khang

Assoc.Prof.Dr. Ngo Sy Luong

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Pham Hoang Hai

Assoc.Prof.Dr. Doan Ngoc Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Ha

Prof.Dr. Yu Ming Zhang

Prof.Dr. Nguyen Van Anh

■ **Editorial**

Dr. Vu Van Dong - Head

MSc. Doan Thi Thu Hang - Deputy Head

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/> Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- | | | |
|---|----|--|
| Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của các mạng nhân tạo học sâu trong nhận dạng các tín hiệu ra-đa | 5 | Vũ Xuân Tùng |
| Ứng dụng thuật toán tìm kiếm hấp dẫn mờ để tối ưu tham số cho mạng CNN trong nhận dạng | 10 | Nguyễn Thị Quyên
Nguyễn Thị Phương
Nguyễn Thị Phương Oanh |
| Thiết kế các bộ điều khiển tách kênh cho hệ nhiều vào nhiều ra | 17 | Nguyễn Thu Hà
Đinh Thị Lan Anh
Cao Thành Trung
Chu Đức Việt
Nguyễn Đức Quang |
| So sánh hiệu suất giữa bộ lọc FIR và LMS trong xử lý nhiễu tín hiệu điện não đồ EEG | 24 | Nguyễn Xuân Kiên
Bùi Phương Thảo
Đỗ Văn Đình |

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- | | | |
|---|----|--|
| Nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ lái xe đến lượng tiêu thụ nhiên liệu của ô tô sử dụng số sàn bằng phần mềm Carsim | 31 | Vũ Thành Trung
Nguyễn Đình Cường
Lê Đức Thắng
Ngô Thị Mỹ Bình |
| Nghiên cứu các tham số kích thước ảnh hưởng đến ứng suất của tấm phẳng có lỗ khoét hình tròn | 37 | Nguyễn Đức Hải
Nguyễn Văn Hình
Dương Thị Hà
Nguyễn Thị Liễu |
| Ứng dụng phương pháp phần tử biên trên phần mềm SimSolid phân tích dao động của trục chính máy phay CNC | 43 | Mạc Văn Giang
Dương Thị Hà
Đào Văn Kiên
Mạc Thị Nguyên
Trịnh Văn Cường |
| Nghiên cứu phương pháp ghép nối thép tấm với thép trụ bằng công nghệ hàn điện trở: Tổng quan - Phần 1 | 49 | Huỳnh Nguyệt Khuyến
Ngô Hữu Mạnh
Trần Văn An |
| Nghiên cứu ổn định chuyển động của xe khách 16 chỗ trong điều kiện gió ngang | 55 | Đỗ Tiến Quyết
Phùng Đức Hải Anh
Nguyễn Lương Căn |

NGÀNH KINH TẾ

- | | | |
|--|----|---|
| Nợ và quản lý nợ nước ngoài tại Việt Nam | 60 | Nguyễn Minh Tuấn
Phạm Thị Hồng Hoa |
| Ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động kế toán quản trị tại các công ty may trên địa bàn tỉnh Hải Dương | 68 | Vũ Thị Lý |
| Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khi mua sắm tại Aeon mall Hà Đông | 74 | Nguyễn Thị Ngọc Mai |
| Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Hải Dương | 80 | Vũ Thị Lý
Lương Thị Hoa
Vũ Thị Thanh Thủy |

NGÀNH HÓA HỌC - THỰC PHẨM

- | | | |
|--|----|--|
| Tối ưu một số điều kiện để sản xuất cây giống Hoàng đàn (<i>Cupressus torulosa</i> D. Don) bằng kỹ thuật nhân giống vô tính tại Vườn Quốc gia Hoàng Liên, Lào Cai | 86 | Vũ Đức Quyền
Dương Toàn Thắng
Dương Quyết Chiến
Nguyễn Văn Sang |
|--|----|--|

NGÀNH KHOA HỌC GIÁO DỤC

- | | | |
|--|----|-------------------------------|
| Dạy học theo mô hình 5E để phát triển năng lực giải quyết vấn đề công nghệ cho sinh viên ngành Sư phạm Công nghệ | 93 | Lê Ngọc Hòa
Trần Duy Khánh |
|--|----|-------------------------------|

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

- | | | |
|--|-----|---|
| Vai trò của giảng viên lý luận chính trị với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch | 99 | Nguyễn Thị Nhan
Phan Hoàng Đức |
| Phát triển nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Hồng và những yếu tố tác động | 105 | Vũ Văn Đông
Vũ Văn Chương
Vũ Hồng Phong |
| Tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay | 111 | Đỗ Thị Thùy
Đặng Thị Dung
Phạm Thị Mai |
| Nâng cao ý thức chính trị của sinh viên Việt Nam trong bối cảnh hiện nay | 117 | Nguyễn Thị Hiền |
| Chuyển đổi số trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay | 123 | Phạm Xuân Đức |

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- | | | |
|--|----|--|
| Research on evaluating the performance of deep learning networks in radar signal recognition | 5 | Vu Xuan Tung |
| Application of fuzzy attractive search algorithm to optimize parameters for CNN network in recognition | 10 | Nguyen Thi Quyen
Nguyen Thi Phuong
Nguyen Thi Phuong Oanh |
| Design of decoupling controllers for Multi-Input Multi-Output systems | 17 | Nguyen Thu Ha
Dinh Thi Lan Anh
Cao Thanh Trung
Chu Duc Viet
Nguyen Duc Quang |
| Performance comparison between FIR and LMS filters in noise processing of EEG signals | 24 | Nguyen Xuan Kien
Bui Phuong Thao
Do Van Dinh |

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- | | | |
|--|----|--|
| Study on the impact of driving modes on fuel consumption of manual transmission cars using Carsim software | 31 | Vu Thanh Trung
Nguyen Dinh Cuong
Le Duc Thang
Ngo Thi My Binh |
| Investigation of dimensional parameters affecting the stress in plate with circular cut-out | 37 | Nguyen Duc Hai
Nguyen Van Hinh
Duong Thi Ha
Nguyen Thi Lieu |
| Application of the boundary element method on SimSolid software to analyze the vibrations of the CNC milling machine spindle | 43 | Mac Van Giang
Duong Thi Ha
Dao Van Kien
Mac Thi Nguyen
Trinh Van Cuong |
| Study on joining of sheet and cylindrical steels by the arc stud welding technology: Review - Part 1 | 49 | Huynh Nguyet Khuyen
Ngo Huu Manh
Tran Van An |
| Research on the Stability of a 16-Seat Minivan under Crosswind | 55 | Do Tien Quyet
Phung Duc Hai Anh
Nguyen Luong Can |

TITLE FOR ECONOMICS

- | | | |
|--|----|---|
| Debt and foreign debt management in Vietnam | 60 | Nguyen Minh Tuan
Pham Thi Hong Hoa |
| Applying new technology to management accounting activities at garment companies in Hai Duong province | 68 | Vu Thi Ly |
| Research factors affecting satisfaction when shopping at Aeon mall Ha Dong | 74 | Nguyen Thi Ngoc Mai |
| Solutions to improve environmental accounting work at manufacturing enterprises in Hai Duong province | 80 | Vu Thi Ly
Luong Thi Hoa
Vu Thi Thanh Thuy |

TITLE FOR CHEMISTRY - FOOD

- | | | |
|--|----|--|
| Optimization of some conditions for production of cypress seedlings (<i>Cupressus torulosa</i> D. Don) using asexual propagation technique at Loang Lien National park, Lao Cai | 86 | Vu Duc Quyen
Duong Toan Thang
Duong Quyet Chien
Nguyen Van Sang |
|--|----|--|

TITLE FOR EDUCATION SCIENCE

- | | | |
|---|----|-------------------------------|
| Teaching according to the 5E model to develop technological problem-solving competences for students majoring in Technology Education | 93 | Le Ngoc Hoa
Tran Duy Khanh |
|---|----|-------------------------------|

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

- | | | |
|---|-----|---|
| The role of political theory lecturers with the task of protecting the Party's ideological foundation and fighting against erroneous and hostile viewpoints | 99 | Nguyen Thi Nhan
Phan Hoang Duc |
| Sustainable agricultural development in the red river and the influencing factors | 105 | Vu Van Dong
Vu Van Chuong
Vu Hong Phong |
| Humanitarian thoughts of Ho Chi Minh and the current application by the Communist Party of Vietnam | 111 | Do Thi Thuy
Dang Thi Dung
Pham Thi Mai |
| Raising political awareness of Vietnamese students in the current context | 117 | Nguyen Thi Hien |
| Digital transformation in teaching Political Theory subjects at Sao Do University in the current period | 123 | Pham Xuan Duc |

Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Solutions to improve environmental accounting work at manufacturing enterprises in Hai Duong province

Vũ Thị Lý*, Lương Thị Hoa, Vũ Thị Thanh Thủy

*Tác giả liên hệ: lyvu1985@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 04/9/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 27/11/2024

Ngày chấp nhận đăng: 28/02/2025

Tóm tắt

Hiện nay, tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường và những biến đổi bất lợi của thiên nhiên đang ảnh hưởng tới chất lượng sống của con người. Mặt khác, trong hệ thống kế toán Việt Nam nội dung kế toán môi trường (KTMT) và tổ chức công tác KTMT trong doanh nghiệp (DN) vẫn còn là một khoảng trống chưa được nghiên cứu và đưa ra các quy định hướng dẫn cụ thể. Tại Hải Dương, trong DN sản xuất hiện nay, công tác bảo vệ môi trường, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và hạch toán chính xác các chi phí môi trường chưa được quan tâm đúng mức, còn nhiều hạn chế, bất cập. Bài viết đánh giá thực trạng công tác KTMT trong một số DN sản xuất trên địa bàn tỉnh Hải Dương nhằm tìm ra những hạn chế, từ đó có những giải pháp giúp hoàn thiện công tác KTMT trong các DN này.

Từ khóa: Kế toán môi trường; doanh nghiệp sản xuất; chi phí; thu nhập môi trường.

Abstract

Currently, environmental pollution, environmental degradation, environmental incidents and adverse changes in nature are affecting the quality of human life. On the other hand, in the Vietnamese accounting system, the content of environmental accounting and the organization of environmental accounting in enterprises are still a gap that has not been studied and specific guidelines have been issued. In Hai Duong, in current manufacturing enterprises, environmental protection, good implementation of social responsibility and accurate accounting of environmental costs have not received due attention, there are many limitations and shortcomings. This article assesses the current status of environmental accounting in a number of manufacturing enterprises in Hai Duong province to find out the limitations, thereby providing solutions to help improve environmental accounting in these enterprises.

Keywords: Environmental accounting; manufacturing enterprises; environmental costs; income.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, những yêu cầu nghiêm ngặt từ phía các cơ quan pháp luật, khách hàng, người lao động, ngân hàng,... đối với các DN đang ngày càng gia tăng. Vì vậy, các DN phải thực hiện có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường. Khách hàng, người tiêu dùng yêu cầu được tiêu dùng những sản phẩm “sạch” được sản xuất bởi các công nghệ thân thiện môi trường, người lao động yêu cầu được làm việc trong môi trường an toàn, vệ sinh hơn,... Những áp lực đó từ phía xã hội và thị trường buộc các cơ quan pháp luật phải ban hành, kiểm soát nghiêm ngặt việc thực hiện quy định về môi trường, nhằm

hạn chế những tác động tiêu cực do sản phẩm hay hoạt động kinh doanh của DN gây ra với cộng đồng và môi trường. Những áp lực đó, buộc các DN phải quản lý hoạt động môi trường tại đơn vị. Việc quản lý hiệu quả hoạt động môi trường tại đơn vị sẽ giúp DN giảm thiểu rủi ro môi trường và gia tăng lợi nhuận trong tương lai. Hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đã quy định từ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quyền và nghĩa vụ cơ bản của mỗi tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, trong công tác kế toán trong các DN sản xuất hiện nay, việc hạch toán chính xác các chi phí môi trường còn nhiều hạn chế, bất cập, cần phải có các giải pháp giúp hoàn thiện công tác KTMT.

Người phản biện: 1. PGS.TS. Lê Xuân Đình
2. TS. Nguyễn Minh Tuấn

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN MÔI TRƯỜNG

2.1. Khái niệm kế toán môi trường

Theo Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC), KTMT là một thuật ngữ có nghĩa rộng, mang nhiều hàm ý, như: Việc đánh giá và công bố thông tin môi trường, kết hợp thông tin tài chính trong kế toán và báo cáo tài chính; Đánh giá và sử dụng thông tin liên quan môi trường dưới hình thức đơn vị tiền tệ và đơn vị vật chất trong KTMT; Việc ước tính chi phí và tác động môi trường bên ngoài doanh nghiệp, thường liên quan kế toán chi phí đầy đủ; Kế toán nguồn lực và dòng luân chuyển của các tài nguyên thiên nhiên dưới dạng đơn vị tiền tệ và đơn vị vật chất (kế toán tài nguyên thiên nhiên),...[1].

2.2. Đặc trưng của kế toán môi trường

Kế toán môi trường (KTMT) gồm các loại KTMT quốc gia, KTTC môi trường, KTQT môi trường.

Kế toán môi trường (KTMT) trong DN là một bộ phận kế toán có liên quan đến các vấn đề môi trường và không thể tách rời khỏi KTTC và KTQT.

Kế toán môi trường (KTMT) cung cấp thông tin để quản lý hiệu quả kinh tế của các hoạt động môi trường, loại thông tin được sử dụng: Thông tin vật lý về dòng luân chuyển của năng lượng, nước, vật liệu và chất thải thông tin về tiền tệ của chi phí, thu nhập môi trường và khoản chi phí môi trường tiết kiệm được.

Kế toán môi trường (KTMT) cung cấp thông tin về hoạt động môi trường cho nhà quản lý nhằm tiết kiệm chi phí, giảm rủi ro kinh doanh, đồng thời gia tăng giá trị doanh nghiệp.

Từ những đặc trưng của KTMT, trên phương diện tiếp cận KTMT là một nội dung kế toán trong hệ thống kế toán của DN, kế toán các yếu tố có liên quan đến các vấn đề môi trường và không thể tách rời khỏi kế toán tài chính (KTTC) và kế toán quản trị (KTQT), nhằm mục đích cung cấp thông tin tiền tệ và hiện vật về hoạt động môi trường trong DN cho các đối tượng sử dụng thông tin bên trong và ngoài đơn vị.

2.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán môi trường

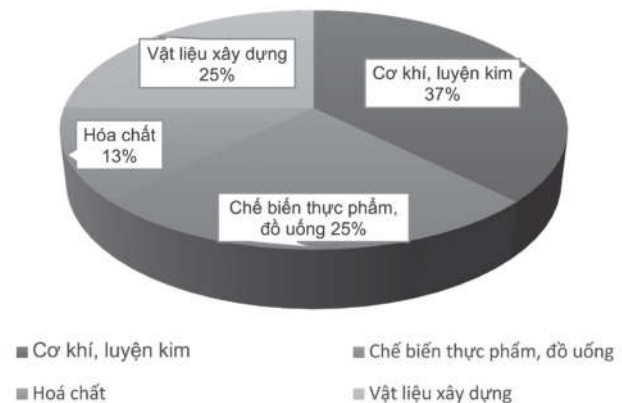
Kế toán môi trường (KTMT) được xác định như là một nội dung trong hệ thống kế toán của đơn vị và cần được xem xét một cách độc lập hơn nhằm cung cấp thông tin kinh tế, tài chính liên quan đến hoạt động môi trường trong đơn vị cho các đối tượng sử dụng thông tin. Nội dung tổ chức KTMT bao gồm:

- Tổ chức công tác kế toán tài sản môi trường;
- Tổ chức công tác kế toán nợ phải trả môi trường;
- Tổ chức công tác kế toán chi phí môi trường;
- Tổ chức công tác kế toán thu nhập môi trường.

3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC DN SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu thực trạng tổ chức công tác KTMT, nhóm tác giả tiến hành khảo sát các nhà quản trị và kế toán trưởng tại 10 DN, thuộc 4 ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: Nhóm ngành nghề về cơ khí, luyện kim; nhóm ngành nghề chế biến thực phẩm, đồ uống; nhóm các ngành nghề về hóa chất; nhóm ngành nghề sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Nhóm tác giả thu về kết quả phản hồi của 08 DN.



Hình 1. Tỷ trọng các nhóm ngành nghề DN tham gia khảo sát

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Phương pháp khảo sát: Gửi phiếu điều tra online qua đường link Google Docs. Sau đó, dữ liệu được tổng hợp bằng công cụ tính toán Excel. Trên cơ sở những thông tin thu được, bài viết đã sử dụng phương pháp suy luận, đánh giá thực trạng tổ chức công tác KTMT tại các DN sản xuất trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Từ đó, nhóm tác giả sử dụng phương pháp quy nạp để kết luận, tổng kết và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác KTMT tại các DN.

3.2. Mô tả kết quả nghiên cứu

3.2.1. Mô hình tổ chức kế toán tài chính môi trường và kế toán quản trị môi trường

Qua khảo sát thực tế, tất cả các DN sản xuất thực hiện tổ chức KTTC và KTQT DN theo mô hình kết hợp.

Bảng 1. Khảo sát mô hình KTTC và KTQT môi trường

TT	Chỉ tiêu khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ
1	Mô hình tổ chức bộ máy kế toán	8	100%
1.1	Tập trung	7	87,5%
1.2	Phân tán	1	12,5%
2	Tổ chức công tác kế toán tài chính và kế toán quản trị tại đơn vị theo mô hình kết hợp	8	100%

TT	Chỉ tiêu khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ
3	Kế toán các hoạt động môi trường được thực hiện lồng ghép trong kế toán tài chính và kế toán quản trị	8	100%

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Với mô hình này, trong từng nội dung tổ chức công tác kế toán đều có sự kết hợp chặt chẽ giữa KTTC và KTQT. Trong từng bộ phận kế toán theo từng phần hành kế toán đã có sự kết hợp thực hiện các nhiệm vụ của cả KTTC và KTQT. Kế toán hoạt động môi trường tại DN chưa thể hiện rõ chức năng, vai trò, nhiệm vụ cụ thể, chúng được lồng ghép trong từng phần hành kế toán cụ thể của KTTC và KTQT.

3.2.2. Đánh giá thực trạng tổ chức ghi nhận tài sản, nợ phải trả, chi phí, thu nhập môi trường

- Tổ chức chứng từ kế toán.

Qua tổng hợp kết quả khảo sát về biểu mẫu chứng từ kế toán sử dụng liên quan đến hoạt động môi trường trong DN, bộ phận kế toán vận dụng mẫu chứng từ kế toán hướng dẫn theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hoặc Thông tư 133/2016/TT-BTC, không thiết kế thêm biểu mẫu chứng từ mới, không bổ sung thêm chỉ tiêu trên chứng từ kế toán.

Về cơ bản, DN đã sử dụng các loại chứng từ trong hệ thống chứng từ do Nhà nước ban hành để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tuy nhiên, do chưa nhận diện được đầy đủ, độc lập về tài sản, nợ phải trả, chi phí, thu nhập môi trường trong DN, nên trong quá trình tổ chức thu nhận thông tin ban đầu chưa phản ánh rõ thông tin các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động môi trường. Mặt khác, các DN cũng chưa nhận diện được dự phòng nợ phải trả môi trường (dự phòng chi phí phải trả cho việc di dời nhà máy,...), nợ tiềm tàng môi trường trong DN. Vì vậy, việc tổ chức lập, xây dựng quy trình luân chuyển đối với các chứng từ liên quan đến công tác thu nhận thông tin khoản dự phòng nợ phải trả môi trường, nợ tiềm tàng môi trường chưa được thực hiện.

- Tổ chức tài khoản kế toán.

Qua tổng hợp kết quả khảo sát, bộ phận kế toán trong các DN đều được tổ chức trên cơ sở vận dụng hệ thống tài khoản theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hoặc Thông tư 133/2016/TT-BTC. Cụ thể:

Để đáp ứng yêu cầu quản lý của đơn vị, DN cụ thể hóa, bổ sung thêm tài khoản cấp 3, cấp 4,... phù hợp với nội dung kết cấu và phương pháp hạch toán của tài khoản cấp 1, cấp 2 tương ứng phục vụ cho hệ thống hóa, xử lý thông tin kế toán phục vụ cho công tác quản lý, lập báo cáo tài chính của DN. Đối với việc tổ chức hệ thống hóa thông tin kế toán liên quan đến tài sản, nợ phải trả, chi phí, thu nhập về môi trường, các DN

thực hiện việc theo dõi đồng thời trên các tài khoản đã được thiết lập trong đơn vị. Các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến tài sản cố định môi trường, được phản ánh vào các loại tài khoản dùng phản ánh tài sản cố định của DN.

Các khoản chi phí cho hoạt động bảo vệ môi trường, tùy theo mục đích sử dụng mà chúng được phản ánh vào các tài khoản chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý DN, chi phí khác. Các chi phí mua hóa chất phục vụ cho việc làm sạch, vệ sinh môi trường, chi phí xử lý chất thải, lương nhân viên phục vụ cho hoạt động bảo vệ môi trường, khoản phí môi trường,... được phản ánh vào chi phí sản xuất chung. Các khoản tiền phạt vi phạm về môi trường,... được phản ánh vào chi phí khác. Tuy nhiên, trong các DN khảo sát có một DN (Công ty TNHH nhôm Đông Á), khi tổ chức sản xuất, bộ phận (phân xưởng) xử lý môi trường được tách ra thành một đối tượng tập hợp chi phí riêng. Cuối kỳ, chi phí của bộ phận này được phân bổ vào chi phí sản xuất chung của từng loại sản phẩm. Vì vậy, DN này đã mở thêm tài khoản chi tiết chi phí sản xuất để tập hợp chi phí của bộ phận xử lý môi trường.

Đối với các khoản nợ phải trả về hoạt động bảo vệ môi trường, các DN không có tiêu chuẩn cố định để phản ánh, thường được phản ánh vào tài khoản phải trả người bán hoặc tài khoản phải trả, phải nộp khác. Các khoản tiền thuê các đơn vị tư vấn bên ngoài xử lý môi trường, khắc phục sự cố môi trường, khoản tiền phải bồi thường các khoản thiệt hại môi trường do tràn chất thải,... được phản ánh vào tài khoản phải trả người bán hoặc tài khoản phải trả, phải nộp khác, tùy theo quan điểm của mỗi DN.

Đối với các loại phế liệu, phế phẩm còn sử dụng được khi bán ra bên ngoài, các DN xem như là hoạt động thanh lý tài sản và phản ánh vào tài khoản thu nhập khác.

Về cơ bản, các DN sản xuất trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán đảm bảo cung cấp được thông tin kinh tế, tài chính tại DN tuân thủ chế độ kế toán về nội dung của các chỉ tiêu kinh tế, tài chính tổng hợp phục vụ cho công tác quản lý, lập báo cáo tài chính của DN, đảm bảo mức độ chi tiết, tổng hợp của thông tin theo yêu cầu quản lý của DN. Tuy nhiên, hệ thống tài khoản hiện nay tại tất cả các DN sản xuất được khảo sát đều tổ chức theo hệ thống tài khoản kế toán chung (tích hợp), thông tin phản ánh trên các tài khoản chủ yếu cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính. Đối với các nghiệp vụ kinh tế liên quan tài sản, nợ phải trả, chi phí, thu nhập môi trường được phản ánh chung vào các tài khoản kế toán trong hệ thống tài khoản của đơn vị. DN chưa thực hiện việc thiết kế, chi tiết các tài khoản kế toán để hệ thống hóa thông tin KTMT nhằm cung

cấp thông tin lập báo cáo tài chính và báo cáo quản trị môi trường.

- Tổ chức sổ kế toán.

Qua khảo sát thực tế, các DN được khảo sát áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính. DN mở các sổ kế toán chi tiết, tổng hợp phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, ghi chép vào sổ kế toán theo trình tự và phương pháp ghi sổ đối với các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động môi trường trong DN. 100% DN được khảo sát sử dụng sổ kế toán tổng hợp và chi tiết theo mẫu hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC hoặc Thông tư 133/2016/TT-BTC. Các DN không thiết kế riêng các mẫu sổ kế toán để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản, nợ phải trả, chi phí, thu nhập môi trường. Chỉ có (12,5%) DN mở các sổ kế toán chi tiết chi phí để phản ánh chi phí môi trường sử dụng cho KTQT môi trường. Tuy nhiên, do chưa nhận diện về tài sản, nợ phải trả, chi phí, thu nhập môi trường trong DN, nên còn thiếu một số loại sổ kế toán để ghi nhận thông tin môi trường phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, chưa quan tâm đến xây dựng các sổ kế toán để ghi chép thông tin kế toán chi phí môi trường phục vụ cho quản trị môi trường trong DN.

3.2.3. Những tồn tại và nguyên nhân

Thứ nhất, hoạt động bảo vệ môi trường tại các DN sản xuất trên địa bàn tỉnh Hải Dương chưa thật sự quan tâm đúng mức, chưa thực hiện tổ chức công tác KTMT trong DN. Các DN còn thiên về lợi ích kinh tế trước mắt, chưa coi trọng phát triển bền vững DN.

Thứ hai, thiếu các văn bản pháp lý hướng dẫn về lĩnh vực KTMT trong DN. Chế độ kế toán và các thông tư hướng dẫn về kế toán hiện nay chưa hướng dẫn cụ thể nội dung KTMT trong DN. Đây là nguyên nhân hạn chế lớn nhất để thực hiện KTMT trong DN.

Thứ ba, các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương thường chú trọng đến các báo cáo quan trắc định kỳ của DN, kiểm tra tính tuân thủ thực hiện các tiêu chuẩn về xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm tại DN mang tính định kỳ, chế tài xử lý vi phạm chưa thật mạnh dẫn đến việc các DN xem nhẹ đến vấn đề môi trường, cũng như KTMT.

Thứ tư, việc vận dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán DN hiện nay để thực hiện công tác KTMT trong DN là vấn đề không đơn giản đối với bộ phận kế toán trong DN. Bộ phận kế toán thiếu tiếp cận các phương pháp KTMT hiện đại, dẫn đến chưa chủ động, chú trọng đến việc nhận diện, xác định, thu nhận, hệ thống hóa, xử lý, cung cấp thông tin môi trường cho các đối tượng sử dụng thông tin [2].

4. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC DN SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

4.1. Xác định mô hình tổ chức kế toán tài chính và kế toán quản trị môi trường

Kế toán môi trường (KTMT) là một bộ phận trong hệ thống kế toán của DN, KTTC môi trường được lồng ghép trong KTTC, KTQT môi trường được lồng ghép trong KTQT. Với mô hình này, những hoạt động về môi trường được tổ chức “lồng ghép” vào bộ phận KTTC và bộ phận KTQT trong DN hiện nay là phù hợp với thực tiễn tổ chức công tác kế toán tại các DN nói chung và DN sản xuất trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng.

4.2. Hoàn thiện tổ chức ghi nhận tài sản, nợ phải trả, chi phí, thu nhập môi trường

4.2.1. Hoàn thiện tổ chức chứng từ kế toán

Trên cơ sở các loại chứng từ hướng dẫn cho các DN theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hoặc Thông tư 133/2016/TT-BTC, DN cần lựa chọn các chứng từ phù hợp để thu nhận thông tin các hoạt động môi trường trong đơn vị. Bên cạnh đó, để phục vụ cho việc thu thập thông tin phục vụ cho công tác KTQT môi trường trong DN, các loại chứng từ đầu vào bao gồm nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, năng lượng phải được xây dựng bộ mã ký hiệu phù hợp cho từng thứ, từng loại nhằm thuận lợi cho việc nhận diện chi phí theo từng trung tâm chi phí, từng loại hoạt động và cần mã hóa thêm ký hiệu phục vụ cho việc xác định nguồn gốc từng loại, từng thứ vật liệu và theo từng nhà cung cấp nhằm phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi phí môi trường.

Riêng đối với chất thải từ quá trình sản xuất kinh doanh, DN cần phân loại chất thải, xác định chi phí vật liệu của chất thải theo từng trung tâm chi phí, giai đoạn sản xuất nhằm cung cấp thông tin cho việc ghi vào sổ kế toán chi phí môi trường phục vụ lập báo cáo cân đối dòng luân chuyển vật liệu. Căn cứ vào tài liệu của bộ phận quản lý môi trường trong DN cung cấp về số lượng từng thứ vật liệu, năng lượng, nước của chất thải để KTMT lập bảng kê tính chi phí vật liệu, năng lượng sử dụng không tạo ra sản phẩm, như sau:

Bảng 2. Bảng kê chi phí vật liệu trong chất thải

BẢNG KÊ CHI PHÍ VẬT LIỆU TRONG CHẤT THẢI
Ngày... tháng ... năm ...

Bộ phận (Trung tâm chi phí môi trường)...

STT	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng vật liệu trong chất thải	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
Tổng cộng					

Đối với chứng từ liên quan đến dự phòng nợ phải trả môi trường: Khi DN xác định nghĩa vụ phải di dời nhà

máy do ô nhiễm môi trường, phải bồi thường thiệt hại cho các bên bị ảnh hưởng do ô nhiễm môi trường,... Trong trường hợp này DN xác định được nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại và phải lập dự phòng nợ phải trả môi trường. Các bằng chứng làm cơ sở để lập dự phòng, bao gồm: Các quyết định của cấp có thẩm quyền yêu cầu di dời nhà máy, các nghĩa vụ bắt buộc hoặc tự nguyện của DN liên quan đến bồi thường thiệt hại môi trường,... các ước tính về dự phòng nợ môi trường phải trả của Ban giám đốc DN và của các chuyên gia môi trường độc lập.

4.2.2. Hoàn thiện tổ chức tài khoản kế toán

- Mở chi tiết thêm một số tài khoản kế toán để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động môi trường. Cụ thể: Trên cơ sở Tài khoản 2111 - Nhà cửa, vật kiến trúc (Tài khoản cấp 2), DN cần mở chi tiết cho đối tượng là nhà cửa, vật kiến trúc sử dụng cho hoạt động bảo vệ môi trường. Tài khoản 2112 - Máy móc, thiết bị, DN cần mở chi tiết thêm cho đối tượng là máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động bảo vệ môi trường,...; mở chi tiết theo từng đối tượng nợ phải trả môi trường; mở thêm tài khoản chi tiết TK 3524 - "Chi tiết dự phòng phải trả môi trường" để phản ánh khoản dự phòng môi trường phải trả hiện có và tình hình trích lập và sử dụng dự phòng phải trả môi trường; mở thêm tài khoản cấp 3, cấp 4 của TK 627 - "Chi phí sản xuất chung", TK 641 - "Chi phí bán hàng", TK 642 - "Chi phí quản lý DN", TK 811 - "Chi phí khác" để phản ánh chi phí môi trường trong DN. Trong từng loại chi phí trên, cần tiếp tục mở chi tiết chi phí môi trường theo các loại như: Chi phí xử lý chất thải, chi phí khắc phục hậu quả thiệt hại môi trường, chi phí bồi thường, nộp phạt môi trường, chi phí môi trường khác; mở thêm tài khoản chi tiết của TK 711 - Thu nhập môi trường để phản ánh thu nhập môi trường trong DN.

Bảng 3. Mẫu sổ chi tiết chi phí môi trường

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ MÔI TRƯỜNG

Tài khoản: 6271 - Chi phí nhân viên - Tên bộ phận: Trung tâm...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Chi phí môi trường				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng cộng	Chi phí xử lý chất thải	Chi phí khắc phục hậu quả thiệt hại môi trường	Chi phí bồi thường nộp phạt môi trường	Chi phí môi trường khác
			Cộng phát sinh						

Sổ chi tiết chi phí môi trường trên cũng được mở cho các tài khoản cấp 3 của các tài khoản 6272 - Chi phí vật liệu; tài khoản 6273 - Chi phí dụng cụ sản xuất; tài khoản 6274 chi phí khấu hao TSCĐ; tài khoản 6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài; tài khoản 6278 - Chi phí

Kết hợp phương pháp ABC và phương pháp dòng vật liệu (MFCA) để xác định chi phí môi trường trong DN. Các DN cần xác định phí môi trường cho từng trung tâm nhằm kiểm soát chi phí môi trường, phân bổ chi phí môi trường cho từng loại sản phẩm và thực hiện kiểm soát dòng vật liệu, năng lượng, nước sử dụng trong sản xuất có thể lựa chọn kết hợp phương pháp ABC và phương pháp dòng vật liệu (MFCA) để xác định chi phí môi trường trong DN. Theo phương pháp này, các tài khoản chi tiết phản ánh chi phí được thiết lập như sau: Trong toàn bộ quy trình sản xuất của DN, cần xác định phân chia thành nhiều giai đoạn sản xuất, việc phân chia các công đoạn sản xuất phải gắn với chất thải phát sinh tại mỗi giai đoạn (giai đoạn 1, giai đoạn 2, giai đoạn 3,...). Khi thiết lập các tài khoản chi tiết theo dõi cho từng trung tâm phải đảm bảo phản ánh được số lượng và giá trị vật liệu tạo ra sản phẩm tích cực, số lượng và giá trị vật liệu tạo ra chất thải, chi phí môi trường phát sinh của từng trung tâm. Nếu sử dụng phương pháp này, DN cần sử dụng kết hợp các tài khoản đã thiết lập cho phương pháp ABC và phương pháp MFCA.

4.2.3. Hoàn thiện tổ chức sổ kế toán

- Để phục vụ cho việc cung cấp thông tin chi phí môi trường phục vụ cho lập chỉ tiêu "Chi phí môi trường" trên báo cáo tài chính của DN, sổ chi tiết các tài khoản phản ánh chi phí môi trường cần được thiết kế gồm các nội dung sau: Ngày, tháng ghi sổ; số hiệu, ngày tháng của chứng từ dùng để ghi sổ; diễn giải nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh dùng để ghi sổ; tài khoản đối ứng; tổng số tiền của nghiệp vụ kinh tế phát sinh; chi phí môi trường phát sinh được chia ra các nội dung: Chi phí xử lý chất thải, chi phí khắc phục hậu quả thiệt hại môi trường, chi phí bồi thường, nộp phạt môi trường, chi phí môi trường khác.

bằng tiền khác. Các tài khoản cấp 3 của tài khoản 641, 642, 811 cũng được mở như sổ chi tiết trên.

- Đối với hệ thống sổ kế toán phục vụ cho công tác KTQT chi phí môi trường, DN cần bổ sung thêm sổ kế toán sau:

Để phục vụ cho việc lập báo cáo chi phí môi trường trong DN, sổ kế toán chi tiết chi phí môi trường được mở cho từng loại chi phí, trong từng loại chi phí được

tiếp tục chia ra các nhóm chi phí cụ thể, như: Sổ chi tiết chi phí xử lý chất thải, sổ chi tiết chi phí phòng ngừa và quản lý môi trường, sổ chi tiết giá trị vật liệu của chất thải, sổ chi tiết chi phí môi trường khác.

Bảng 4. Mẫu sổ chi tiết chi phí xử lý chất thải

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Tài khoản: 6271 - Chi phí nhân viên - Tên bộ phận: Trung tâm

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Chi phí xử lý chất thải				
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng cộng	Chi phí nhân công liên quan đến xử lý chất thải	...	...	...
			Cộng số phát sinh						

Để xác định chi phí môi trường trong DN, căn cứ vào toàn bộ quy trình sản xuất, kinh doanh của DN, cần xác định được các trung tâm phát sinh chất thải trong quy trình hoạt động sản xuất, các trung tâm này phải gắn liền với việc phát sinh chất thải tại bộ phận đó, DN cần mở các sổ chi tiết dòng chi phí vật liệu. Sổ chi tiết này được mở cho từng loại vật liệu, nước, năng lượng. Mỗi loại vật liệu dùng cho sản xuất được mở một sổ chi tiết. Thông tin các chỉ tiêu phản ánh trên sổ bao gồm: Chi phí vật liệu đầu vào, chi phí vật liệu tính cho sản phẩm tích cực, chi phí của vật liệu tính sản phẩm

tiêu cực (giá trị vật liệu trong chất thải). Ngoài ra, để ghi chép thông tin chi phí của chất thải, DN có thể sử dụng mẫu sổ chi tiết dòng vật liệu theo nội dung sau: Ngày, tháng ghi sổ; Số hiệu, ngày tháng của chứng từ dùng để ghi sổ; Diễn giải nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh dùng để ghi sổ; Đơn giá; Số lượng và giá trị của vật liệu đầu vào; Chi phí vật liệu đầu ra trong sản phẩm tích cực và sản phẩm tiêu cực, trong đó chi phí vật liệu trong sản phẩm tích cực, tiêu cực được chia ra thành số lượng và thành tiền [3].

Bảng 5. Mẫu sổ chi tiết cân đối dòng chi phí vật liệu

SỔ CHI TIẾT CÂN ĐỐI DÒNG CHI PHÍ VẬT LIỆU

Trung tâm (Giai đoạn):

Tên vật liệu:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi phí đầu ra				
						Chi phí đầu vào		Chi phí trong sản phẩm đạt tiêu chuẩn		Chi phí không tạo ra sản phẩm
	Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng
			Xuất dùng							
			...							
			Cộng							
			Tổng cộng							

5. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

5.1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước

- Thực hiện đào tạo và phổ biến các quy định và tiêu chuẩn môi trường quốc tế cho các DN, như các quy định và tiêu chuẩn môi trường của các nước và khu vực thị trường Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản,... để các DN thấy được tầm quan trọng của các quy định và tiêu chuẩn môi trường khi sản xuất, xuất khẩu hàng hóa nhằm bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia. Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn môi

trường quốc gia có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu thông tin môi trường trong nước cũng như nâng cao sức cạnh tranh, uy tín doanh nghiệp khi tham gia hội nhập quốc tế.

- Để thực hiện công tác KTMT là vấn đề không đơn giản đối với bộ phận kế toán trong DN. Chính vì vậy, cần bổ sung văn bản pháp lý hướng dẫn về lĩnh vực kế toán môi trường trong DN.

5.2. Đối với doanh nghiệp

- Các nhà quản lý trong DN cần nâng cao nhận thức về KTMT. Doanh nghiệp cần nhận thức được rằng thực

hiện hoạt động bảo vệ môi trường trong DN không tốt, sẽ làm phát sinh nhiều chi phí cho hoạt động sản xuất, kinh doanh (chi phí bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý ô nhiễm, di chuyển nhà máy,...) làm tăng giá thành sản phẩm, giảm lợi nhuận, giảm khả năng cạnh tranh, ảnh hưởng tới tính bền vững trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Xây dựng chiến lược sản xuất, kinh doanh có tính đến các tác động của các quy định tiêu chuẩn và quy định môi trường của sản phẩm. Tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn về môi trường của sản phẩm, DN cần có chiến lược về sản phẩm, chú trọng đến khâu nghiên cứu và phát triển sản phẩm xanh, hiện đại hoá khâu thiết kế sản phẩm, chọn lựa hệ thống quản lý môi trường tiên tiến trên thế giới phù hợp với DN nhằm nâng cao tiêu chuẩn môi trường của sản phẩm. Doanh nghiệp cần áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO. Đặc biệt là DN xuất khẩu các mặt hàng nhạy cảm đối với môi trường, thì việc áp dụng các tiêu chuẩn trở thành bắt buộc, vì chúng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của mình.

Cần hoàn thiện bộ máy quản lý môi trường tại DN. Các DN có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về môi trường, đảm bảo am hiểu các quy định và tiêu chuẩn của quốc gia, quốc tế về môi trường, có khả năng vận hành các hệ thống xử lý, phân tích và kiểm tra mức độ đảm bảo tiêu chuẩn môi trường của các sản phẩm và chất thải,...

Cần nâng cao trình độ cho người làm kế toán của DN đối với hoạt động môi trường để từ đó chủ động trong việc tổ chức thực hiện KTMT trong DN trên hai giác độ: KTTC môi trường và KTQT môi trường.

AUTHORS INFORMATION

Vu Thi Ly*, Luong Thi Hoa, Vu Thi Thanh Thuy

*Corresponding Author: lyvu1985@gmail.com

Sao Do University.

6. KẾT LUẬN

Kế toán môi trường tại Việt Nam là một lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với quản trị DN và các đối tượng có lợi ích trực tiếp và gián tiếp bên ngoài đơn vị trong việc ra quyết định. Tính đầy đủ, kịp thời, độ tin cậy của thông tin KTMT phần lớn phụ thuộc vào chất lượng, hiệu quả của tổ chức công tác KTMT. Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận về tổ chức công tác KTMT trong DN, phân tích và đánh giá thực trạng tổ chức công tác KTMT trong các DN sản xuất trên địa bàn tỉnh Hải Dương, nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán môi trường tại các DN này.

LỜI CẢM ƠN

Kết quả nghiên cứu này thuộc đề tài KHCN cấp cơ sở, mã số 14.KHCN/24-25 được tài trợ bởi Trường Đại học Sao Đỏ. Nhóm tác giả chân thành cảm ơn Trường Đại học Sao Đỏ đã tạo điều kiện để chúng tôi hoàn thành nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. [Thttps://www.hoiketoanhcm.org.vn/vn/trao-doi/nhung-thuan-loi-va-kho-khan-khi-ung-dung-ke-toan-moi-truong-tai-cac-doanh-nghiep-viet-nam/](https://www.hoiketoanhcm.org.vn/vn/trao-doi/nhung-thuan-loi-va-kho-khan-khi-ung-dung-ke-toan-moi-truong-tai-cac-doanh-nghiep-viet-nam/)
- [2]. PGS.TS. Nguyễn Phú Giang (2020), Trường Đại học Thương mại, *Nghiên cứu kế toán môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững*.
- [3]. Nguyễn Thị Kim Tuyền (2020), Học viện Tài chính, *Kế toán môi trường tại các DN khai thác khoáng sản trên địa bàn Bình Định*.
- [4]. <https://vjst.vn/vn/Pages>

THỂ LỆ GỬI BÀI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về tòa soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
 - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
 - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỳ yếu, số, trang.
 - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper
Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 1 (88)

2025



Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.